

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Đại Tiên;

Ông: Vi Văn Coóng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06-4-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần MQ; sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 39, phố M, phường L, thành phố V, tỉnh Ph; nơi ở hiện nay: Số nhà 16, đường N, khu đô thị Đ, phường Kh, thành phố V, tỉnh Ph; có mặt.

- Bị đơn: Chị ĐT; sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn Z, huyện HQ, tỉnh CB; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24-8-2021 và các ý kiến tiếp theo, nguyên đơn anh Trần MQ trình bày:

Anh và chị ĐP kết hôn vào ngày 03-10-2009, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Ph. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó do điều kiện công việc mỗi người một nơi vợ chồng sống xa nhau, xảy ra bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng Anh đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mặc dù hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng không khắc

phục được. Nay, Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn với chị ĐT.

Về con chung: Anh và chị ĐT có hai con chung là Trần A (sinh ngày 18-9-2010) và Trần Tr (sinh ngày 25-02-2014), hiện tại các con đều học tập và sinh sống cùng với chị ĐT. Vì vậy, Anh yêu cầu chị ĐT trực tiếp nuôi dưỡng con và Anh có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng.

Trong Bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt (không đề ngày, tháng, năm) bị đơn chị ĐT trình bày:

Quá trình tiến tới hôn nhân giữa Chị và anh Trần MQ, như nội dung anh MQ trình bày. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010, anh MQ đi làm ở thành phố V, tỉnh Ph, còn Chị vẫn làm việc tại Trường Trung học phổ thông TN, huyện HQ, tỉnh CB, nên vợ chồng chưa thể đoàn tụ. Khoảng giữa năm 2016, anh MQ có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, góp ý nhiều lần. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau từ thời điểm đó và hai bên gia đình nội ngoại đều đã khuyên giải. Đến năm 2018, anh MQ có con ngoài giá thú với người phụ nữ khác, nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với anh MQ.

Về con chung: Chị và anh MQ có hai con chung như nêu trên, hiện tại Chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và Chị yêu cầu anh MQ cấp dưỡng mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng.

* Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ý kiến, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để tham gia trong các giai đoạn tố tụng và hòa giải nhưng bị đơn không đến và có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng Anh không có quan hệ ngoài luồng và không có con chung với người phụ nữ khác. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung với mức nêu trên và thời hạn tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-4-2022).

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm về thủ tục tố tụng; về phía nguyên đơn chị ĐT, từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên họp, phiên hòa giải là chưa tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự; giao hai con chung cho Bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và nguyên đơn có trách nhiệm cấp dưỡng

nuôi con 4.000.000 đồng/tháng/2con; buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn giữa hai đương sự, Giấy khai sinh con chung Trần A, Trần Tr; Giấy xác nhận của người làm chứng; Giấy xác nhận của Trường Trung học phổ thông TN; Biên bản xác minh; Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Đơn xin giải quyết vắng mặt của bị đơn (đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt); các quyết định về tố tụng, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các biên bản tổng đạt văn bản...

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các bên đương sự đã thống nhất: Sự kiện pháp lý giữa hai đương sự là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Ph; các đương sự có hai con chung là Trần A (sinh ngày 18-9-2010) và Trần Tr (sinh ngày 25-02-2014). Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất: Bị đơn cho rằng Nguyên đơn có quan hệ ngoại tình và có con riêng ngoài giá thú; vợ chồng không hề sống ly thân. Tuy nhiên, về phía Nguyên đơn không thừa nhận và cho rằng ý kiến này của Nguyên đơn không có cơ sở, không có căn cứ để chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn chị ĐT vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngày 24-8-2021, nguyên đơn anh Trần MQ làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Anh Trần MQ và chị ĐT có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L. Đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình thu thập lời khai của các đương sự, người làm chứng, tổ chức đã xác định được do điều kiện công việc của các đương sự mỗi người một nơi, thời gian xa cách dẫn đến thiếu sự chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

từ năm 2015, mặc dù đã được gia đình, người khác khuyên giải đoàn tụ nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa hai đương sự vẫn không thể hàn gắn. Về phía Bị đơn cho rằng, Nguyên đơn ngoại tình và có con riêng, vợ chồng không hề sống ly thân, nhưng quá trình Tòa án giải quyết Bị đơn cũng không đưa ra căn cứ để chứng minh. Để bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bên cạnh đó, Bị đơn thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh MQ và chị ĐT mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[4] Về con chung:

Con chung của anh chị là cháu Trần A (sinh ngày 18-9-2010) và cháu Trần Tr (sinh ngày 25-02-2014). Từ những chứng cứ đã thu thập được, hiện tại hai con đều học tập và sinh sống cùng với chị ĐT; chị ĐT là giáo viên, có thu nhập ổn định. Tại các Biên bản ghi ý kiến ngày 24-02-2022, các cháu Trần A và Trần Tr đều có nguyện vọng được Mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đó là những căn cứ để Tòa xem xét giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân - Gia đình cần giao cháu cho chị ĐT trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét việc chị ĐT yêu cầu anh MQ cấp dưỡng nuôi con mỗi người 2.000.000 đồng/tháng, anh MQ hoàn toàn nhất trí, là phù hợp với quy định pháp luật dân sự, cần chấp nhận.

[5] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Tòa ghi nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó Tòa chấp nhận.

[7] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trần MQ và bị đơn chị ĐT.

2. Về con chung

Chị ĐT được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Trần A (sinh ngày 18-9-2010) và cháu Trần Tr (sinh ngày 25-02-2014) cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần MQ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn)/người con, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hằng tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20 tháng 4 năm 2022) trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Xác nhận, hiện tại hai con Trần A và cháu Trần Tr đang ở với chị ĐT.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí

Buộc nguyên đơn anh Trần MQ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm của người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nộp vào ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai số 0002604 ngày 28-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng, nay còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Liên Bảo (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- VKSND huyện Hà Quảng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Thanh

